

GIẤY PHÉP MỞ – NỀN TẢNG HỖ TRỢ CHIA SẺ TÀI NGUYÊN THÔNG TIN SỐ VÀ TRUY CẬP MỞ TẠI VIỆT NAM

TS Đỗ Văn Hùng

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội

● **Tóm tắt:** Bài viết đưa ra các kiến thức nền tảng về bản quyền và giấy phép mở, làm rõ sự khác biệt giữa các mức độ mở của các loại giấy phép hiện hành, trong đó nhấn mạnh đến giấy phép của Creative Commons. Nghiên cứu bối cảnh Việt Nam trên hai phương diện: sự quan tâm của người dùng về bản quyền và giấy phép mở, hệ thống pháp luật và sự tương thích với giấy phép mở. Trên cơ sở đó, đưa ra một số gợi ý áp dụng giấy phép mở cho việc tạo lập và chia sẻ các tài nguyên thông tin số, thúc đẩy truy cập mở tại Việt Nam.

● **Từ khóa:** Giấy phép mở; bản quyền; bản quyền tác giả; phạm vi công cộng; Creative Commons; chia sẻ thông tin; truy cập mở.

OPEN LICENSE – THE FUNDAMENTAL OF INFORMATION RESOURCE SHARING AND OPEN ACCESS

● **Abstract:** The paper provides background knowledge of copyright and open licenses, and clarifying the differences between the levels of openness of current licenses, with emphasis on Creative Commons license. Researching the Vietnamese context on two aspects: attitudes of stakeholders on copyright and open licenses, and incompatibilities between the current legal system with open licenses. Based on that there are some recommendations for applying open licenses for creating and sharing digital information resources, and promoting open access in Vietnam.

● **Keywords:** Open license; Copyright; Public domain; Creative Commons; Information sharing; Open access.

1. CÁC KHÁI NIỆM CƠ SỞ

Khi Johannes Gutenberg phát minh ra công nghệ in, tốc độ in còn rất chậm và việc tạo ra một bản sao của một cuốn sách hay tài liệu còn khó khăn. Dần dần, tốc độ in được cải thiện, việc sao chép và tái xuất bản hàng loạt với khối lượng lớn dễ dàng hơn và không thể kiểm soát nổi, điều này càng phổ biến hơn khi định dạng số ra đời. Trong bối cảnh thông tin sinh ra đều ở dạng số (born-digital), thì việc chia sẻ các tác phẩm¹ trở nên dễ dàng hơn rất nhiều. Vấn đề đặt ra là làm sao để hoạt động này phải tuân thủ về mặt pháp lý và các quy định ràng buộc liên quan. Qua đó thúc đẩy chia sẻ thông tin và tri thức dưới nhiều hình thức khác nhau.

Khi một cá nhân sáng tạo ra một tác phẩm, tác giả sẽ đặt ra hai câu hỏi cơ bản: “Tôi có muốn tác phẩm này được phép sử

dụng với mục đích thương mại hay không?” và “Tôi có muốn cho phép có các tác phẩm phái sinh dựa trên tác phẩm của mình hay không?”, Việc trả lời hai câu hỏi quan trọng này sẽ quyết định tác giả lựa chọn loại giấy phép bản quyền nào cho tác phẩm của mình. Để trả lời các câu hỏi trên, cần hiểu rõ khái niệm chung về: copyright (bản quyền), public domain (phạm vi công cộng), bản quyền trái (copyleft), giấy phép mở (open licenses).

* Bản quyền

Bản quyền (copyright) ra đời nhằm mục đích bảo vệ các tác phẩm trí tuệ của người sáng tạo khỏi việc sao chép hoặc kinh doanh một cách bất hợp pháp - đây là quyền phi vật thể. Bản quyền chỉ rõ, chỉ có tác giả là người duy nhất được quyết định đến hoạt động liên quan đến tác phẩm của mình: chẳng hạn như cho phép hoặc không cho phép xuất bản hay phân phối tác phẩm, có được sửa đổi hay sao chép để sử dụng

¹ Trong bài viết này, “tác phẩm” được hiểu là tất cả các sản phẩm trí tuệ ở các lĩnh vực văn học, khoa học và nghệ thuật.

hay không. Bản quyền được đảm bảo trong một khoảng thời gian có giới hạn, sau đó tác phẩm được chuyển sang phạm vi công cộng. Ưu điểm cũng là nhược điểm lớn nhất của bản quyền là không cho phép truy cập sử dụng và chia sẻ rộng rãi tác phẩm, thậm chí là vì mục đích phi thương mại. Điều này có nghĩa, tác phẩm có thể được phổ biến chậm hoặc thậm chí là hoàn toàn không được công bố.

*** Phạm vi công cộng**

Các tác phẩm thuộc phạm vi công cộng (public domain) không bị áp dụng bởi bất cứ quyền nào về sở hữu trí tuệ. Những quyền đó có thể đã hết hạn, thu hồi, bị từ bỏ hoặc không thể áp dụng được. Thường thì bản quyền tác giả sẽ có hiệu lực từ 50 đến 100 năm sau khi tác giả qua đời. Khi hết hiệu lực, bất kỳ ai cũng có thể sử dụng, sửa đổi và bán các tác phẩm đó mà không cần xin phép tác giả - lúc này tác phẩm được chuyển sang trạng thái thuộc phạm vi công cộng.

Các tác phẩm của Beethoven là một ví dụ điển hình cho việc chuyển đổi các sáng tạo ra phạm vi công cộng. Các tác phẩm âm nhạc có hiệu lực bản quyền tác giả trong 70 năm sau khi tác giả qua đời. Beethoven mất năm 1827, do vậy hiện nay bất kỳ ai cũng có thể sử dụng và bán các tác phẩm của ông.

Trường hợp hình ảnh chuột Mickey của Walt Disney là một ví dụ điển hình của việc duy trì bản quyền và có thể chuyển đổi sang dạng nhãn hiệu (trademark). Hình ảnh chuột Mickey hết hạn bảo hộ bản quyền vào 1998, tuy nhiên hãng Walt Disney đã vận động hành lang để kéo dài thời gian bảo hộ đến năm 2024. Sau thời điểm này, hình ảnh chuột Mickey sẽ ở trạng thái công cộng. Tuy nhiên, Walt Disney có thể vẫn sẽ ngăn cản các công ty khác sử dụng hình ảnh của Mickey bằng cách đăng ký là một nhãn hiệu [Carlisle, 2014]. Nhãn hiệu mạnh hơn bản quyền vì nhãn hiệu là vĩnh viễn và đại diện cho một bản sắc của thương hiệu, trong khi đó bản quyền chỉ là tạm thời và áp dụng cho một tác phẩm cụ thể.

*** Bản quyền trái**

Việc chờ đợi thời gian hết hạn bản quyền của một tác phẩm để tự do sử dụng không hề dễ chịu. Các sáng tạo của con người cần được chia sẻ ngay lập tức và gỡ bỏ các rào cản pháp lý để được tự do sử dụng. Đó chính là nguyên nhân để ra đời bản quyền trái (Copyleft). Giấy phép GNU General Public License được viết bởi Richard Stallman được coi là giấy phép bản quyền trái đầu tiên [Pearce, 2014]. Một trong những giấy phép bản quyền trái khá phổ biến hiện nay là của Creative Common.

Về cơ bản, giấy phép bản quyền trái đảm bảo cho người dùng các khía cạnh sau: tự do sử dụng tác phẩm, tự do trong việc nghiên cứu tác phẩm, tự do trong sao chép và chia sẻ tác phẩm với người khác, và tự do trong việc chỉnh sửa tác phẩm và phân phối các tác phẩm phái sinh. Yêu cầu duy nhất của bản quyền trái là tác phẩm phái sinh phải cấp giấy phép giống hệt với giấy phép của tác phẩm gốc.

Có 3 điểm cần lưu ý đối với bản quyền trái:

- *Bản quyền trái nhấn mạnh về quyền tự do của người sử dụng*

Có một điều đặc biệt lưu ý là giấy phép tồn tại trong cấu trúc hệ thống pháp lý của bản quyền. Bản quyền trái không có nghĩa là bãi bỏ bản quyền, mà thay vào đó, giấy phép bản quyền trái là một tập hợp con của bản quyền với mục tiêu là khôi phục sự tự do cho người dùng. Khái niệm cốt lõi của bản quyền trái là người dùng nên được tự do sử dụng, sao chép, sửa đổi và phân phối tác phẩm theo ý muốn của mình, điều kiện duy nhất là các tác phẩm phái sinh phải cung cấp các quyền tự do tương tự cho người sử dụng.

- *Bản quyền trái có ý nghĩa nhiều hơn là sự cho phép*

Giấy phép bản quyền trái không có nghĩa là người dùng có thể làm tất cả những điều mình muốn. Giấy phép bản quyền trái vẫn áp đặt một số yêu cầu. Khía cạnh đáng chú ý nhất của giấy phép bản quyền trái là yêu cầu người dùng phân phối các tác phẩm

phái sinh với giấy phép có các quyền giống như tác phẩm gốc. Mệnh đề hay được sử dụng trong các giấy phép mở đó là “chia sẻ tương tự” - share-alike. Ví dụ: khi người dùng tìm được một bức ảnh có giấy phép copyleft, họ có thể tải về sửa đổi theo ý mình và phân phối cho bất kỳ ai. Tuy nhiên, yêu cầu duy nhất là phải cấp quyền cho người khác quyền sửa đổi và phân phối với tác phẩm của mình.

- *Bản quyền trái không có nghĩa là luôn miễn phí*

Bản quyền trái cho phép người dùng tự do sửa đổi và phân phối lại với yêu cầu chia sẻ tương tự, nhưng cũng không có yêu cầu bắt buộc là các tác phẩm phải cung cấp hoàn toàn miễn phí. Chẳng hạn, ở lần đầu tiên tiếp cận tác phẩm, người dùng phải trả một khoản phí nào đó, sau đó thì họ hoàn toàn có quyền sửa đổi, phân phối lại, cũng

như có thể thu tiền với điều kiện phải cấp quyền giống như bản gốc đối với tác phẩm phái sinh.

Ví dụ về hệ điều hành Red Hat Enterprise Linux. Nhân Linux được cấp giấy phép GNU General Public License (GPL), đây chính là giấy phép bản quyền trái. Bản Red Hat Enterprise Linux (RHEL) lại là một hệ điều hành thương mại dựa trên nhân của Linux. Phiên bản dành cho máy tính để bàn của RHEL được bán với giá 49 đô la, nhưng để tuân thủ giấy phép GPL, mã nguồn của hệ điều hành này được cung cấp cho người sử dụng. Lúc này, người dùng hoàn toàn có quyền sửa đổi và phân phối lại mã nguồn cho người khác dưới dạng một bản sao chép. Tuy nhiên, họ không được kinh doanh/bán lại hệ điều hành này vì được bảo hộ nhãn hiệu.

Bảng 1. Sự khác nhau giữa bản quyền với bản quyền trái và phạm vi công cộng

Bản quyền	Bản quyền trái	Phạm vi công cộng
- Cấm sao chép, chỉnh sửa, phân phối.	- Tự do sao chép, chỉnh sửa, phân phối.	- Tự do sao chép, chỉnh sửa, phân phối.
- Thương mại là chính.	- Miễn phí hoặc trả phí một phần.	- Miễn phí.
- Sử dụng mã nguồn đóng.	- Sử dụng mã nguồn mở.	- Sử dụng mã nguồn mở.
- Độc quyền.	- Không độc quyền.	- Không độc quyền.
- Có ý nghĩa pháp lý: tuân thủ các quy định về bản quyền cho từng loại tác phẩm.	- Không có ý nghĩa pháp lý, tuy nhiên phải tuân thủ các quy định về giấy phép mà tác phẩm gốc đã lựa chọn.	- Không có ý nghĩa pháp lý: tác phẩm được coi là sở hữu chung của cộng đồng và không theo bất kỳ một quy định nào.
- Dựa trên triết lý về sự hạn chế và tính độc đáo/đơn nhất của tác phẩm.	- Dựa trên triết lý về tự do và yêu cầu sự tự do.	- Dựa trên triết lý về tự do và yêu cầu sự tự do.

* **Giấy phép mở**

Giấy phép mở là một loại giấy phép nêu rõ người dùng tác phẩm được phép sử dụng, sửa đổi và chia sẻ theo các điều khoản và điều kiện được xác định. Giấy phép này được gắn kèm với các tác phẩm gốc hoặc tác phẩm phái sinh. Điều này cho phép người sử dụng chủ động tiếp cận tác phẩm và dùng nó một cách chủ động dựa trên giấy

phép được cấp phép mà không phải liên hệ với tác giả. Giấy phép mở chính là một dạng văn bản hóa cụ thể của bản quyền trái. Mỗi lĩnh vực đều có hệ thống giấy phép mở khác nhau, chẳng hạn như OSI, GPL, CC. Trong nghiên cứu này chỉ đề cập đến giấy phép CC (Creative Commons) với lý do giấy phép này được sử dụng phổ biến trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực thông tin.

2. GIẤY PHÉP CREATIVE COMMONS

Giấy phép Creative Commons (CC) được sử dụng rộng rãi trong tất cả các lĩnh vực khoa học, công nghệ, nghệ thuật [Bazen, alt., 2015; Dobusch & Kapeller, 2017]. CC không có tính pháp lý, thay vào đó hệ thống giấy phép này tạo ra sự cân bằng bên trong của luật bản quyền với tuyên bố rất phổ biến là “Tất cả các quyền được bảo hộ” - all rights reserved. CC cung cấp các công cụ đơn giản và tiêu chuẩn hóa cho nhà sáng tạo riêng lẻ, các tổ chức để cấp bản quyền cho các tác phẩm sáng tạo của mình. Trong bối cảnh số, sự kết hợp các giấy phép của CC với các công cụ pháp luật hiện hành thúc đẩy các nội dung được sao chép, phân phối, hiệu chỉnh, trộn lẫn và tái tạo. Tất cả đều được thực hiện trong các giới hạn của luật bản quyền.

Để dễ sử dụng cho các đối tượng khác nhau, giấy phép CC được thiết kế với cấu trúc 3 lớp [Creative Commons, 2020]. Lớp thứ nhất là các mã pháp lý (Legal Code layer). Các mã này được làm theo ngôn ngữ và định dạng mà hầu hết các luật sư đang sử dụng. Tuy nhiên, người dùng phổ thông là những người sáng tạo, nhà giáo dục hay nhà khoa học không phải là luật sư, nên các giấy phép phải được đơn giản hóa để dễ đọc, dễ áp dụng. Do vậy lớp thứ hai được xây dựng - lớp Người có thể đọc (Commons Deed hay Human Readable). Lớp này đưa ra các tóm tắt và giải thích cho phần lớn các thuật ngữ quan trọng và các điều kiện liên quan. Lớp thứ ba là lớp Máy có thể đọc (Machine Readable). Để cho các phần mềm, các máy tìm kiếm có thể nhận diện được các loại giấy phép, CC đã phát triển một loại ngôn ngữ diễn giải các bản quyền có tên gọi CC Rights Expression Language (CC REL).

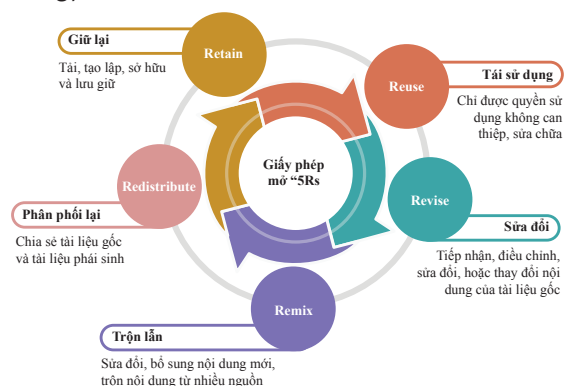
CC cung cấp 6 loại giấy phép cho việc tạo lập, sử dụng và phân phối các tác phẩm, và 2 công cụ để thực hiện chuyển đổi tác phẩm sang phạm vi công cộng. Mỗi một loại giấy phép bao gồm 1 hoặc 4 thành tố cơ bản, được minh họa bằng chữ viết tắt hoặc chữ

tượng hình. Phiên bản hiện tại năm 2020 là CC BY 4.0.

2.1. Sáu loại giấy phép của CC

Wiley (2010) cho rằng, mở có nghĩa là tài nguyên đó miễn phí và có tuyên bố một hoặc tất cả 5 quyền sau:

- **Giữ lại:** Những bản sao của nội dung có thể được lưu giữ lại với mục đích lưu trữ cá nhân hoặc dùng để tham khảo. Người dùng có quyền tạo lập, sở hữu và lưu trữ các bản sao (ví dụ, đó là việc tải về, nhân bản, lưu trữ và quản lý tài liệu).
- **Tái sử dụng:** quyền được sử dụng lại nội dung với hình thức không đổi hay đúng nguyên văn của bản gốc (ví dụ, đó là một bản sao của tài liệu gốc).
- **Sửa đổi:** quyền được tiếp nhận, điều chỉnh, sửa đổi, hoặc thay đổi nội dung của tài liệu gốc (ví dụ, đó là việc dịch nội dung một tài liệu sang một ngôn ngữ khác).
- **Trộn lẫn:** quyền được kết hợp các nội dung của tài liệu gốc hoặc sửa đổi với nội dung gốc rồi kết hợp các nội dung khác để tạo ra một bản mới (ví dụ, một tài liệu tổng hợp từ nhiều nội dung khác nhau).
- **Phân phối lại:** quyền được chia sẻ các bản sao của nội dung tài liệu gốc cũng như các phiên bản khác của nó, hoặc là những bản đã được chỉnh sửa, trộn lẫn (ví dụ, đưa một bản sao tài liệu cho một người khác sử dụng).



Hình 1. Năm quyền của giấy phép mở CC [Đỗ, 2015]

Để sử dụng được các loại giấy phép, trước tiên cần hiểu được 4 thành tố cơ bản được sử dụng trong CC để tạo tổ hợp 6 loại giấy phép căn bản (xem Bảng 1).

Bảng 2. Giải thích ý nghĩa các biểu tượng trong giấy phép CC

Tình trạng	Biểu tượng	Giải thích
Ghi công (Attribution)		BY - Dùng để thông báo người dùng có thể tự do sử dụng tác phẩm, với yêu cầu duy nhất là ghi công tác giả và những người có liên quan trong việc tạo ra tác phẩm. Tất cả các giấy phép của CC đều yêu cầu phải có thành tố này. Nếu người dùng không sử dụng thành tố này, muốn bổ sung các loại giấy phép khác, hoặc muốn ghi tên mình thì phải liên hệ với tác giả.
Phi thương mại (Non-Commercial)		NC - Dùng để thông báo tác phẩm này không dùng cho mục đích thương mại. Người dùng được phép sao chép, phân phối, trình diễn, thể hiện, sửa đổi. Nếu dùng cho mục đích thương mại thì phải liên hệ với tác giả.
Không phái sinh (No-Derivatives)		ND - Dùng để thông báo tác phẩm này không được phép có tác phẩm phái sinh. Tức là người dùng được phép sao chép, phân phối, trình diễn, thể hiện, nhưng nếu muốn chỉnh sửa tác phẩm thì phải liên hệ tác giả.
Chia sẻ tương tự (ShareAlike)		SA - Dùng để thông báo tác phẩm này được phép sao chép, phân phối, trình diễn, thể hiện, sửa đổi với một yêu cầu duy nhất là tác phẩm phái sinh phải có giấy phép giống như giấy phép của tác phẩm gốc.

Trên cơ sở 4 loại thành tố nêu trên, CC kết hợp lại và đưa ra sáu loại giấy phép sau đây.

Bảng 3. Sáu loại giấy phép của Creative Commons [Đỗ, 2015]

Ký hiệu	Giải thích từ viết tắt	Ý nghĩa
	Attribution (CC BY) Ghi nhận công của tác giả	Đây là giấy phép mở rộng nhất, người dùng có thể sử dụng tác phẩm với 5Rs thậm chí có thể thương mại, với điều kiện duy nhất là ghi công tác giả.
	Attribution-ShareAlike (CC BY-SA) Ghi nhận công của tác giả - Chia sẻ tương tự	Giấy phép này cho phép người dùng được quyền cập nhật, sửa đổi tác phẩm gốc để tạo ra tác phẩm phái sinh, đồng thời có thể phân phối và thương mại hóa. Yêu cầu bắt buộc là phải dùng lại giấy phép y hệt như giấy phép đã cấp cho tác phẩm gốc.
	Attribution-NoDerivs (CC BY-ND) Ghi công-Không phái sinh	Giấy phép này cho phép người dùng được phát hành lại tác phẩm cho cả hai mục đích thương mại lẫn phi thương mại với điều kiện không được sửa chữa và phải ghi công tác giả.

	Attribution-NonCommercial (CC BY-NC) Ghi nhận công của tác giả - Phi thương mại	Giấy phép này cho phép người dùng được quyền cập nhật, sửa đổi tác phẩm gốc để tạo ra và phân phối tác phẩm phái sinh. Tuy nhiên, không được sử dụng cho mục đích thương mại.
	Attribution-NonCommercial-ShareAlike (CC BY-NC-SA) Ghi nhận công của tác giả - Phi thương mại - Chia sẻ tương tự	Giấy phép này cho phép người dùng được quyền cập nhật, sửa đổi tác phẩm gốc để tạo ra tác phẩm phái sinh, song không được thương mại hóa và phải dùng lại giấy phép giống như giấy phép đã cấp cho tác phẩm gốc.
	Attribution-NonCommercial-NoDerivs (CC BY-NC-ND) Ghi nhận công của tác giả - Phi thương mại - Không phái sinh	Đây là giấy phép chặt nhất. Người dùng chỉ được phép sử dụng và chia sẻ mà không được phép sửa đổi hay thương mại hóa tác phẩm.

2.2. Hai công cụ để chuyển đổi tác phẩm sang phạm vi công cộng

Để xác định một tác phẩm trong phạm vi công cộng, CC đưa ra hai công cụ, đó là: (1) CC0 (Không có quyền được lưu giữ - No Rights Reserved) để tác giả tuyên bố tác phẩm thuộc phạm vi công cộng; và (2) Public Domain Mark (Không có bản quyền - No Known Copyright) là nhãn đánh dấu tác phẩm thuộc phạm vi công cộng, các ràng buộc bảo hộ đã bị gỡ bỏ.

(1) CC0 (Không có quyền được lưu giữ)

Đây là công cụ để chuyển đổi các tác phẩm được bảo vệ bởi bản quyền sang phạm vi công cộng. Về cơ bản thì lúc này mọi quyền liên quan đến tác phẩm được từ bỏ. Khi tác phẩm ở phạm vi công cộng thì bất cứ người nào cũng có thể sử dụng mà không có bất kỳ hạn chế hoặc nghĩa vụ nào. Thực tế thì CC0 không có ý nghĩa về mặt pháp lý, nhưng nó là tiêu chuẩn để dành cho bất kỳ ai muốn công bố tác phẩm của mình cho cộng đồng mà không cần một ràng buộc nào.

CC0 cung cấp hai lớp tùy chọn tiếp theo để đưa tác phẩm ra phạm vi công cộng:

Tùy chọn đầu tiên là chọn giấy phép cho phép tương tự như CC BY nhưng không yêu cầu ghi công tác giả. Do đó, giấy phép này không có bất kỳ hạn chế hoặc nghĩa vụ nào. Tùy chọn thứ hai là một cam kết không khẳng định tác phẩm. Đó là một cam kết ràng buộc về mặt pháp lý của người nắm giữ bản quyền, cho thấy họ không thực thi các quyền của mình dưới bất kỳ hình thức nào.

(2) Public Domain Mark (Dấu nhận diện phạm vi công cộng)

Đối lập với CC0, dấu hiệu nhận diện phạm vi công cộng không phải là một tuyên bố, mà là một nhãn được gắn cho tác phẩm để chỉ ra rằng tác phẩm này đã thuộc phạm vi công cộng. Nhãn này được sử dụng khi một điều khoản bảo vệ nào đó đã hết hạn. Bản quyền và quyền tác giả chỉ được cấp trong một khoảng thời gian nhất định. Chẳng hạn ở châu Âu là 70 năm sau khi tác giả qua đời. Sau thời gian này, tác phẩm sẽ được đưa vào phạm vi công cộng để sử dụng mà không có bất kỳ một hạn chế nào - tức là không còn được bảo vệ bởi bản quyền, lúc này tác phẩm được gán Dấu nhận diện để mọi người biết và tự do sử dụng.

3. CẤP GIẤY PHÉP CREATIVE COMMONS CHO CÁC TÁC PHẨM

3.1. Lưu ý trước khi cấp giấy phép CC cho tài liệu

Trước khi thực hiện cấp phép CC cho tác phẩm (gốc hoặc phái sinh) của mình, tác giả cần nắm rõ một số lưu ý sau:

** Lưu ý cho người cấp phép*

Bảng 4. Lưu ý dành cho người cấp phép

Lưu ý	Giải thích
Không thể thu hồi	Hãy nhớ rằng, giấy phép không thể bị thu hồi. Một khi tác giả đã cấp giấy phép CC cho tài liệu, bất kỳ ai nhận được sẽ dựa trên giấy phép đó, miễn là tài liệu được bảo vệ bởi bản quyền và các quyền tương tự, ngay cả khi sau đó tác giả ngừng phân phối.
Loại tài liệu	Đảm bảo rằng, loại tài liệu phải phù hợp với loại giấy phép CC. Giấy phép CC phù hợp cho tất cả các loại tài liệu trừ phần mềm và phần cứng trong lĩnh vực công nghệ thông tin.
Bản chất và sự đầy đủ của các quyền	Đảm bảo rằng tài liệu có bản quyền hoặc quyền tương đương: giấy phép CC chỉ hoạt động khi tài liệu có bản quyền, các quyền khác liên quan chặt chẽ đến bản quyền. Giấy phép CC không nên được áp dụng cho tài liệu trong phạm vi công cộng.
Loại giấy phép	Việc áp dụng 1 trong 6 loại giấy phép hoặc CC0 sẽ quyết định việc tác phẩm được chia sẻ và sử dụng sau này. Chẳng hạn, bạn muốn tác phẩm của mình xuất hiện trên các bài viết của Wikipedia, bạn phải sử dụng giấy phép CC BY-SA hoặc các giấy phép tương đương.
Điều khoản bổ sung	Nếu cần thiết thì có thể bổ sung các quyền: bạn có tùy chọn cấp bổ sung các quyền dựa trên những gì giấy phép cho phép. Ví dụ: cho phép người dùng được phép dịch tài liệu của mình với giấy phép ND (không phái sinh), hãy cân nhắc sử dụng CC + để chỉ ra các quyền bổ sung được cấp.
Ưu đãi đặc biệt	Bạn có quyền đưa ra các yêu cầu cụ thể về việc mô tả thông tin ghi công, chẳng hạn như một liên kết URI cho tài liệu, hoặc bất kỳ một thông tin về tác giả mà bạn muốn người được cấp phải giữ lại - tức là khi làm ra các tác phẩm phái sinh họ không được xóa thông tin đó.

** Lưu ý cho người được cấp phép*

Bảng 5. Lưu ý dành cho người được cấp phép

Lưu ý	Giải thích
Hiểu rõ giấy phép	Đọc và hiểu các mã pháp lý (legal code). Lưu ý là lớp thứ hai của CC chỉ dành để mô tả bổ sung cho lớp mã pháp lý. Do vậy, trước khi sử dụng giấy phép phải hiểu thật kỹ các mã pháp lý.

Phạm vi của giấy phép	Đặc biệt chú ý xem giấy phép được cấp những phần nào của tác phẩm. Có thể tác giả trước đó đã chỉ ra những phần nội dung, hình ảnh, biểu đồ,... trong tác phẩm được cấp phép hoặc không, người sử dụng phải tách biệt các phần này.
Hiểu rõ nghĩa vụ	Tất cả giấy phép CC đều yêu cầu phải ghi danh tác giả khi chia sẻ rộng rãi. CC cấm người dùng sử dụng công nghệ hoặc áp đặt các điều khoản pháp lý ngăn cản người khác làm những gì giấy phép cho phép.
Xem xét các ưu tiên của người cấp phép	Người dùng cần xem xét việc tuân thủ các yêu cầu không ràng buộc của người cấp phép. Người cấp phép có thể đưa ra các yêu cầu đặc biệt cho việc sử dụng tài liệu. Bạn nên tuân theo nếu thấy hợp lý, nhưng đó là lựa chọn của bạn chứ không phải nghĩa vụ của bạn.

3.2. Cấp giấy phép cho tác phẩm

Trong trường hợp tác giả là người tạo ra tác phẩm thì việc gán giấy phép rất đơn giản. Tuy nhiên, nếu là một tác phẩm phái sinh và đặc biệt là sử dụng nhiều nguồn khác nhau và có thể mỗi nguồn một loại giấy khác nhau, câu hỏi đặt ra là làm thế nào để cấp giấy phép cho tác phẩm phái sinh này?

** Chọn giấy phép cho một tác phẩm*

Tình huống sử dụng: dành cho tác phẩm gốc hoặc tác phẩm phái sinh từ một tác phẩm gốc.

Cách thức: Nếu là tác phẩm gốc do mình sáng tạo thì người dùng có thể lựa chọn cách mà tác phẩm của mình được phân phối đến công chúng thông qua 6 loại giấy phép hoặc CC0. CC có công cụ hỗ trợ người dùng lựa chọn giấy phép phù hợp cho mình. Truy cập công cụ tại đây: <https://creativecommons.org/choose>.

** Chọn giấy phép khi trộn nhiều hơn hai tác phẩm*

Tình huống sử dụng: dành cho tác phẩm phái sinh có sử dụng nguồn từ hai hoặc nhiều tác phẩm khác nhau.

Cách thức: Xem xét kỹ giấy phép của các tác phẩm, giấy phép của từng phần trong tác phẩm, đảm bảo đã hiểu rõ các quy định

ràng buộc về quyền của tác giả và quyền của người sử dụng. Sử dụng bảng tra sau để kết hợp giấy phép:

Bảng 6. Các khả năng kết hợp giấy phép cho các tác phẩm lấy từ nhiều nguồn (Creative Commons, 2020).

	✓	✓	✓	✓	✓	✗	✓
	✓	✓	✓	✓	✓	✗	✓
	✓	✓	✓	✓	✓	✗	✓
	✓	✓	✓	✓	✗	✗	✗
	✓	✓	✓	✗	✓	✗	✓
	✗	✗	✗	✗	✗	✗	✗
	✓	✓	✓	✗	✓	✗	✓
	✗	✗	✗	✗	✗	✗	✗

Bảng trên chỉ ra cho người dùng các khả năng kết hợp các loại giấy phép CC với nhau trong trường hợp người dùng sử dụng nhiều nguồn khác nhau để tạo ra một tác phẩm phái sinh. Để sử dụng bảng này, người dùng sẽ tìm một giấy phép ở cột bên trái để kết hợp với một giấy phép ở hàng trên cùng. Nếu như sự giao nhau giữa chúng là dấu ☒ thì hai giấy phép này hoàn toàn có thể kết hợp cho các tác phẩm. Trong trường hợp là dấu ☐ thì các tác phẩm không thể trộn lẫn trừ khi có ngoại lệ hoặc áp dụng một cách giới hạn.

Trong trường hợp các tác phẩm có cùng loại giấy phép thì việc kết hợp hoàn toàn dễ dàng. Tuy nhiên, nếu các giấy phép khác nhau thì nguyên tắc áp dụng là các giấy phép không được phủ định nhau.

Ví dụ 1: CC BY-NC không kết hợp được với CC BY-SA. Lý do là CC BY-NC không cho phép sử dụng cho các mục đích thương mại (vì có NC), trong khi CC BY-NC-SA cho phép sử dụng cho các mục đích thương mại. Vì vậy, 2 tài nguyên mang 2 giấy phép này không kết hợp được với nhau.

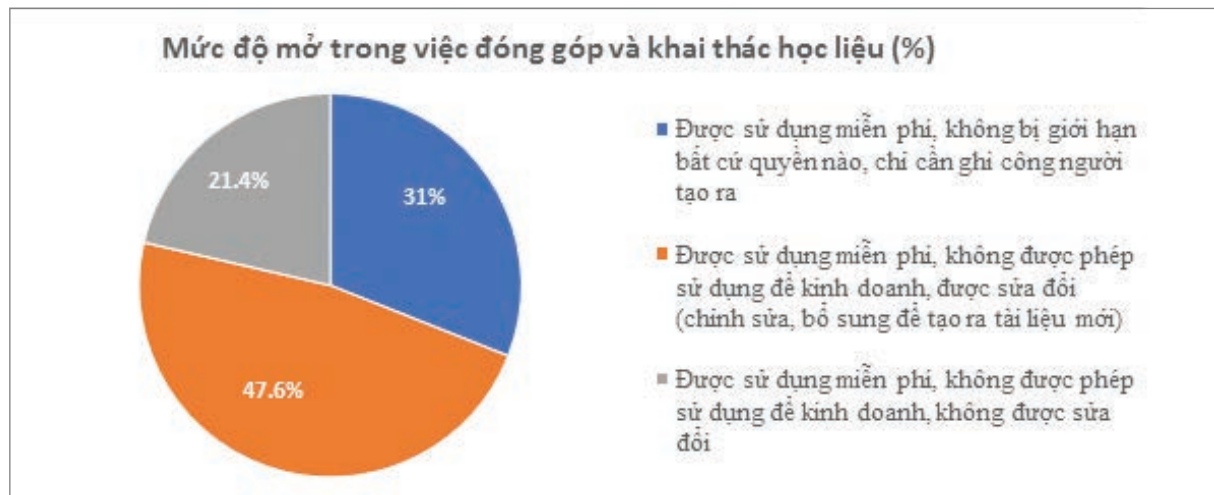
Ví dụ 2: CC BY-NC có thể kết hợp với CC BY-NC-SA. Lý do vì CC BY-NC là giấy phép ghi công và không cho phép sử dụng cho các mục đích thương mại, CC BY-NC-SA cũng là giấy phép ghi công, không cho phép sử dụng cho các mục đích thương mại và có yêu cầu chia sẻ tương tự. Như vậy, nếu kết hợp 2 tác phẩm này thì có thể sử dụng giấy phép chung là CC BY-NC-SA.

Trong trường hợp tác phẩm có nhiều định dạng khác nhau như hình ảnh, biểu đồ, minh họa, âm thanh,... và mỗi hình ảnh này được lấy từ các nguồn khác nhau với các giấy phép khác nhau, thì việc cấp phép sẽ cụ thể cho từng phần trong tác phẩm. Có một lựa chọn nữa là tác giả chủ động xin sự đồng ý của tác giả gốc về chuyển đổi tất cả về một dạng giấy phép thống nhất.

4. ĐỀ XUẤT ÁP DỤNG GIẤY PHÉP CC TẠI VIỆT NAM

4.1. Nhu cầu của người dùng về mức độ mở của tài liệu

Khảo sát các giảng viên đại học cho thấy, hầu hết người dùng đều cho rằng tài liệu nên miễn phí hoàn toàn, một số ý kiến cho rằng có thể thu với chi phí không đáng kể và được phép truy cập mở. Họ cho rằng, nguồn học liệu cần đa dạng, chính xác, miễn phí, phục vụ với mục đích dạy học không kinh doanh.



Hình 2. Nhu cầu của giảng viên về mức độ mở của học liệu [Đỗ và cộng sự, 2019]

Đối tượng người dùng là giảng viên, với vai trò vừa là người đóng góp vừa là người sử dụng học liệu trong hệ thống, đã thể hiện rõ nhu cầu mở tối đa có thể sử dụng. Có 47,6% giáo viên cho rằng, các tài liệu trong hệ thống được sử dụng miễn phí, không được phép sử dụng để kinh doanh, và được

sửa đổi tùy ý như có thể chỉnh sửa, bổ sung để tạo ra tài liệu mới. 31% giảng viên mong muốn mở tuyệt đối không bị giới hạn bất cứ quyền nào, chỉ cần ghi công người tạo ra. Chỉ có 21,4% giảng viên lựa chọn mức độ mở là sử dụng miễn phí, không được phép sửa đổi hay sử dụng vào mục đích kinh

doanh - đây là mức độ mở thấp nhất trong quyền truy cập mở. Như vậy có thể thấy, gần 80% người dùng được khảo sát ủng hộ không nên hạn chế quyền sử dụng đối với các học liệu trong hệ thống, nhu cầu này cũng gần với định nghĩa về OER và OA của UNESCO.

4.2. Nhận thức về vấn đề bản quyền và giấy phép

Về vấn đề giấy phép sử dụng, cần giải quyết một số vấn đề quan trọng trong nhận thức. Cụ thể, mặc dù có 19,5% và 33,9% ý

kiến của giảng viên là rất đồng ý và đồng ý với mệnh đề “Tôi luôn quan tâm đến giấy phép sử dụng đối với bất kỳ tài liệu nào tôi sử dụng”, nhưng số người không quan tâm (32,8%) và phản đối vấn đề này cũng không phải là nhỏ. Điều này cũng lý giải cho tỷ lệ gần 20% giảng viên “không tin tưởng hệ thống giấy phép như Creative Commons”, chỉ gần 25% giảng viên sử dụng giấy phép Creative Commons khi chia sẻ học liệu, và tới hơn 40% giảng viên chỉ quan tâm đến vấn đề bản quyền khi chia sẻ tài liệu với người khác (xem Bảng 7).

Bảng 7. Sự quan tâm của giảng viên đối với vấn đề bản quyền và giấy phép sử dụng
[Đỗ và cộng sự, 2019]

Sự quan tâm của giảng viên đối với vấn đề bản quyền và giấy phép mở	Rất không tán thành	Không tán thành	Không ý kiến	Tán thành	Rất tán thành
Tôi luôn quan tâm đến giấy phép sử dụng đối với bất kỳ tài liệu nào tôi sử dụng.	5,7%	8,0%	32,8%	33,9%	19,5%
Tôi trích dẫn đầy đủ khi sử dụng OERs cũng như các tài liệu khác.	4,7%	2,9%	20,5%	42,7%	29,2%
Tôi luôn nhắc nhở sinh viên về vấn đề đạo văn trong các hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học.	2,9%	3,5%	19,7%	40,5%	33,5%
Tôi đã từng chia sẻ học liệu của tôi kèm theo giấy phép Creative Commons.	18,3%	14,8%	42,0%	16,6%	8,3%
Tôi chỉ quan tâm đến vấn đề bản quyền khi chia sẻ tài liệu với người khác.	7,1%	14,3%	38,1%	30,4%	10,1%
Tôi không tin tưởng hệ thống giấy phép như Creative Commons.	15,0%	21,6%	43,7%	18,0%	1,8%
Tôi sẽ tìm hiểu giấy phép và gắn giấy phép vào tài liệu của tôi khi tôi chia sẻ.	4,7%	9,9%	33,3%	38,6%	13,5%

Về vấn đề đạo đức sử dụng và bản quyền trong tiếp cận các tài nguyên truy cập mở, các nhóm người dùng liên quan đã có sự hiểu biết và trải nghiệm tương đối phù hợp. Mặc dù có hơn 70% giảng viên luôn lưu

ý sinh viên về vấn đề đạo văn trong học tập và nghiên cứu khoa học (xem Bảng 7), nhưng có tới 22,7% sinh viên ủng hộ ý kiến cho rằng không cần trích dẫn khi sử dụng tài liệu miễn phí; có 55,3% sinh viên đồng

ý cho rằng không để ý lắm đến vấn đề bản quyền, giấy phép khi sử dụng tài liệu trên mạng và 45,7% sinh viên cho rằng chưa chú ý đến các vấn đề đạo văn và trích dẫn trong quá trình học tập (xem Bảng 8).

Có thể thấy, nhận thức và hiểu biết về bản quyền, giấy phép liên quan đến sử

dụng TNGDM đang là vấn đề cần đặc biệt quan tâm. Hai đối tượng sử dụng chính (giảng viên và sinh viên) chưa nhận thức và trải nghiệm một cách đầy đủ theo đúng bản chất và các yêu cầu về pháp luật của việc sử dụng TNGDM phục vụ cho các hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

Bảng 8. Sự quan tâm của sinh viên đối với vấn đề bản quyền và giấy phép sử dụng

Sự quan tâm của giảng viên đối với vấn đề bản quyền và giấy phép mở	Rất không tán thành	Không tán thành	Không ý kiến	Tán thành	Rất tán thành
Tôi không để ý lắm đến vấn đề bản quyền, giấy phép khi sử dụng tài liệu trên mạng.	6,8%	11,1%	26,8%	37,9%	17,4%
Khi chia sẻ, in ấn, photo tài liệu tôi thực sự chưa quan tâm đến vấn đề bản quyền.	3,7%	11,6%	26,8%	39,5%	18,4%
Tôi chưa chú ý lắm đến các vấn đề đạo văn và trích dẫn trong quá trình học tập.	8,1%	19,4%	26,9%	36,6%	9,1%
Theo tôi sử dụng các nguồn thông tin/tài liệu miễn phí thì không cần trích dẫn.	22,2%	27,6%	27,6%	14,1%	8,6%
Theo tôi đã là tài liệu miễn phí và truy cập mở thì không cần quan tâm đến bản quyền/giấy phép nữa.	21,1%	23,2%	24,2%	20,0%	11,6%

Trong vấn đề này, cán bộ thư viện đóng vai trò vừa là người khởi tạo vừa là người tìm kiếm, tổ chức và chuyển giao các nguồn thông tin đến người sử dụng. Với vai trò quan trọng này thì việc hiểu biết và quan

tâm đến vấn đề bản quyền là yêu cầu bắt buộc đối với mỗi cán bộ thư viện. Khảo sát về mức độ quan tâm của cán bộ thư viện về bản quyền và giấy phép được mô tả trong Bảng 9 dưới đây.

Bảng 9. Sự quan tâm của cán bộ thư viện đối với vấn đề bản quyền và giấy phép sử dụng

Sự quan tâm của cán bộ thư viện đối với vấn đề bản quyền và giấy phép sử dụng TNGDM	Rất không tán thành	Không tán thành	Không ý kiến	Tán thành	Rất tán thành
Tôi luôn quan tâm đến giấy phép khi thu thập và chia sẻ các nguồn học liệu.	4,1%	5,0%	24,8%	45,5%	20,7%

Tôi đã từng chia sẻ học liệu của tôi kèm theo giấy phép Creative Commons.	19,0%	25,5%	37,5%	13,9%	4,2%
Tôi không tin tưởng hệ thống giấy phép như Creative Commons.	13,7%	27,4%	38,7%	17,9%	2,4%
Tôi luôn quan tâm đến bản quyền khi chia sẻ các học liệu.	4,5%	4,5%	21,4%	45,9%	23,6%

Số liệu khảo sát cho thấy, cán bộ thư viện đã có sự quan tâm đáng kể tới vấn đề bản quyền khi triển khai thu thập, chia sẻ và phân phối thông tin. Tuy nhiên, cũng giống như các nhóm người dùng là giảng viên và sinh viên, cán bộ thư viện chưa có sự tin tưởng đối với hệ thống giấy phép mở của Creative Commons.

4.3. Hệ thống pháp luật Việt Nam với vấn đề truy cập mở

Nghiên cứu của Đinh Thị Thanh Nhân (2019) chỉ ra rằng, sự bảo vệ độc quyền quyền tác giả đang có xu hướng ngày càng tăng cường hơn, và các cơ quan có thẩm quyền đã thực thi và xử lý vi phạm hiệu quả hơn. Tuy nhiên, điều này cũng dẫn đến mặt trái là hạn chế việc chia sẻ tri thức rộng rãi trong cộng đồng. Vấn đề bản quyền có quy định về các trường hợp cho phép sử dụng tác phẩm không phải xin phép tại Điều 25, 26 Luật Sở hữu trí tuệ (SHTT). Nhưng các quy định đó không đủ để đáp ứng nhu cầu truy cập và tìm kiếm tri thức phục vụ cho nghiên cứu và đào tạo. Cách tiếp cận về các trường hợp ngoại lệ trong Luật SHTT đang tiếp cận đóng (fair dealing), tức là liệt kê chi tiết (trong khi thực tế danh sách này thay đổi này) chứ không mang tính khái quát và mềm dẻo.

Điều 25 khoản 1a, b, d, đ và g quy định các trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao bao gồm: tự sao chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, giảng dạy của cá nhân, sao chép để

lưu trữ trong thư viện để phục vụ mục đích nghiên cứu. Như vậy, nếu như giảng viên sao chụp bài báo cho sinh viên của lớp mình (nhiều hơn 1 bản) hoặc chuyển định dạng số để gửi cho sinh viên, đăng tải lên các hệ thống học tập (có thể là hệ thống đóng) đều vi phạm pháp luật.

Trong bối cảnh thông tin số hiện nay, việc công bố tác phẩm cần gắn với quy định về sao chép tác phẩm [Trần, & Hoàng, 2019]. Vì một khi tác phẩm đã được công bố dưới dạng số xuất hiện trên internet thì rất khó thu hồi và đặc biệt là tác giả không thể kiểm soát được việc sao chép. Chính vì vậy, Nghị định số 22/2018/NĐ-CP về hướng dẫn Luật SHTT ra đời nhằm hướng tới việc thắt chặt hơn về sao chép tác phẩm. Điều 22 quy định: Thư viện không được sao chép và phân phối bản sao tác phẩm tới công chúng, kể cả bản sao kỹ thuật số. Quy định này hạn chế các thư viện tham gia vào việc thu thập và truyền bá tri thức trong bối cảnh số. “Những quy định sơ sài của Luật SHTT khiến cho những hoạt động tưởng chừng có thể của thư viện hiện nay trở nên mơ hồ và đầy rủi ro về pháp lý” [Đinh, 2019, tr. 297].

4.4. Triển khai giấy phép mở tại Việt Nam

Để triển khai được CC vào Việt Nam, cần có một giải pháp đồng bộ và có sự tham gia tích cực của các bên liên quan, bởi đây một vấn đề rất khó. Một số công việc cần triển khai như sau:

Thứ nhất, về mặt chính sách vĩ mô, Việt Nam xem xét tham gia 2 hiệp ước có

liên quan đến bảo hộ và thực thi quyền tác giả trên môi trường số, đó là Hiệp ước WIPO về quyền tác giả (WIPO Copyright Treaty - WCT), và Hiệp ước WIPO về biểu diễn và bản ghi âm (WIPO Performances and Phonograms Treaty - WPPT). Việc tham gia các hiệp ước này sẽ đảm bảo cho hệ thống pháp luật Việt Nam về quyền tác giả và quyền liên quan tương thích với pháp luật quốc tế trong việc bảo hộ quyền tác giả trong môi trường số.

Thứ hai, thừa nhận giá trị pháp lý của hệ thống giấy phép mở [Đinh, 2019]. Luật SHTT chưa ghi nhận sự tồn tại của giấy phép mở, do đó, nếu có tranh chấp liên quan đến vấn đề này sẽ rất khó xử lý và rủi ro pháp lý có thể xảy ra cho cả chủ thể quyền và người sử dụng. Vì vậy, công nhận giấy phép mở sẽ tạo hành lang pháp lý an toàn, bảo vệ quyền lợi chính đáng cho chủ sở hữu các tác phẩm truy cập mở.

Thứ ba, vai trò của các cơ sở đào tạo và các hiệp hội nghề nghiệp. Các trường đại học và các hiệp hội như Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam, Hội Thư viện và Hội Thông tin Khoa học và Công nghệ Việt Nam nên là các đơn tổ chức, xem xét triển khai các hoạt động áp dụng giấy phép CC trong việc tạo lập, sử dụng, chia sẻ và phân phối các ấn phẩm khoa học. Việc cấp giấy phép CC nên được bắt đầu từ chính sách đầu tư công: các dự án nghiên cứu công (tài trợ bởi chính phủ - từ tiền thuế) cần phải được chia sẻ dưới hình thức truy cập mở. Để đảm bảo truy cập mở thì các kết quả nghiên cứu này cần cấp giấy phép mở đính kèm. Các tác giả khi công bố tác phẩm trên các ấn phẩm khoa học có thêm quy định về quyền tái công bố của các đơn vị chủ quản (khoa/viện/trường) của tác giả đó, điều này đảm bảo việc sử dụng rộng rãi với mục đích học thuật mà không vi phạm quyền tác giả.

Thứ tư, hợp tác đa phương về truy cập mở và áp dụng giấy phép mở [Đỗ, 2015], trong

đó chia thành 4 nhóm: các cơ quan nhà nước liên quan đến chính sách; các trường đại học và thư viện liên quan đến thực thi giấy phép; các công ty công nghệ trong việc hỗ trợ nền tảng truy cập và chia sẻ thông tin theo chuẩn mở và nhóm các cá nhân (giảng viên, nhà nghiên cứu, cán bộ thư viện) trực tiếp tạo lập và chia sẻ thông tin.

Thứ năm, tăng cường ưu tiên về truy cập mở cho thư viện. Thư viện nên được coi là một ngoại lệ đặc thù trong việc chia sẻ và phân phối thông tin. Với mục đích hoạt động phi lợi nhuận và thúc đẩy phát triển tri thức cộng đồng, thư viện cần được trao quyền mở hơn trong việc sao chép, số hóa các nguồn thông tin phục vụ cộng đồng. Thư viện cần được tự do trong việc tìm kiếm, thu thập và truyền bá thông tin miễn phí với yêu cầu đảm bảo về giấy phép mở.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy, người dùng Việt Nam đang có nhu cầu cao về truy cập mở đến các nguồn thông tin khoa học. Tuy nhiên, ý thức về tuân thủ bản quyền và sử dụng giấy phép mở trong quá trình khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin đang ở mức thấp. Hơn nữa, người dùng chưa thực sự tin tưởng hệ thống giấy phép CC. Bên cạnh đó, các văn bản quy phạm pháp luật lại chưa tạo điều kiện để thúc đẩy truy cập mở và chia sẻ thông tin số. Hay nói cách khác, hành lang pháp lý cho vấn đề này là chưa có. Do vậy, việc triển khai giấy phép mở tại Việt Nam là một công việc không đơn giản. Với sự phát triển của phong trào nguồn mở và tài nguyên giáo dục mở trong hai thập niên vừa qua tại Việt Nam, giấy phép CC đã được tạo một nền tảng cơ bản để từng bước được chấp nhận và áp dụng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bazen, S., Bouvard, L., & Zimmermann, J.-B. (2015). Musicians and the Creative Commons: A survey of artists

- on Jamendo. Information Economics and Policy, 32, 65-76. doi:10.1016/j.infoecopol.2015.07.007.
 2. Carlisle, S. (2014). Mickey's headed to the public domain! but will he go quietly?. Truy cập tại <http://copyright.nova.edu/mickey-public-domain>.
 3. Creative Commons (2020a). Can I combine material under different Creative Commons licenses in my work?. Truy cập tại <https://creativecommons.org/faq/#if-i-derive-or-adapt-material-offered-under-a-creative-commons-license-which-cc-licenses-can-i-use>.
 4. Creative Commons (2020b). Three "layers" of licenses. Truy cập tại <https://creativecommons.org/licenses>.
 5. Dobusch, L., & Kapeller, J. (2017). Open strategy-making with crowds and communities: Comparing Wikimedia and Creative Commons. Long Range Planning. doi:10.1016/j.lrp.2017.08.005.
 6. Đinh, Thị Thanh Nhàn (2019). Những rào cản của Luật Sở hữu trí tuệ tới sự phát triển của OER. Hệ thống giấy phép Creative Commons - Sự hỗ trợ ưu việt cho phát triển OER tại Việt Nam. Xây dựng và khai thác tài nguyên giáo dục mở. ĐHQGHN. Tr. 286-2305.
 7. Đỗ, Văn Hùng (2019). Đề xuất chính sách và tổ chức thực hiện việc phát triển tài nguyên giáo dục mở cho giáo dục đại học Việt Nam. Xây dựng và khai thác tài nguyên giáo dục mở. H. ĐHQGHN. Tr. 256-274.
 8. Đỗ, Văn Hùng; Nghiêm, Xuân Huy; Trần, Đức Hòa; Phạm, Tiến Toàn; Nguyễn, Kim Dung; Nguyễn, Kim Lân & Bùi, Thanh Thủy (2019). Báo cáo khảo sát tài nguyên giáo dục mở trong giáo dục đại học Việt Nam. Xây dựng và khai thác tài nguyên giáo dục mở. H. ĐHQGHN Tr. 469-499.
 9. Đỗ, Văn Hùng (2015). Tổng quan về học liệu mở và nhận dạng các yếu tố tác động đến việc xây dựng và chia sẻ học liệu mở trong các trường đại học Việt Nam. Xây dựng nền tảng học liệu mở cho giáo dục đại học Việt Nam: đề xuất chính sách, tạo lập cộng đồng và phát triển giải pháp công nghệ. H. ĐHQGHN, tr. 80-106.
 10. Luật Sở hữu trí tuệ 2005, và Luật sửa đổi bổ sung số 42/2019/QH14, ban hành ngày 14 tháng 06 năm 2019.
 11. Pearce, Joshua M. (2014). Chapter 3 - Open licensing -Advanced sharing. How to build your own hardware and reduce research costs, p. 37-57.
 12. Suber, Peter (2012). "Open access" - The MIT Press Essential Knowledge Series ed., Cambridge, Mass.: MIT Press. ISBN 978-0-262-51763-8. <http://bit.ly/oa-book>.
 13. Trần, Văn Hải & Hoàng, Lan Phương (2019). Cấp phép sử dụng tài nguyên giáo dục mở - tiếp cận từ pháp luật về quyền tác giả. Xây dựng và khai thác tài nguyên giáo dục mở. ĐHQGHN. Tr. 238-255.
 14. UNESCO (2020). What is Open Access? Truy cập tại <https://en.unesco.org/open-access/what-open-access>.
 15. Wiley, D. (2010). Openness as catalyst for an educational reformation. Educause Review. 45 (4), pp. 15-20.
- (Ngày Tòa soạn nhận được bài: 18-5-2020; Ngày phản biện đánh giá: 4-6-2020; Ngày chấp nhận đăng: 15-7-2020).
- Nghiên cứu được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Hà Nội, Mã số đề tài: QG.15.49